

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Đề án đề nghị công nhận thị xã Dĩ An
là đô thị loại III, trực thuộc tỉnh Bình Dương**

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH BÌNH DƯƠNG	
ÁP DẪN	Số: 0.0.1.736.....
	Ngày: 1.1.11.2016
	Chuyên:

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương

Căn cứ Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 11/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025 và Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012-2020;

Nay, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh kỳ họp lần thứ 3 khóa IX xem xét thông qua Đề án đề nghị công nhận thị xã Dĩ An là đô thị loại III, với các nội dung chính như sau:

I. Sự cần thiết lập Đề án:

Thị xã Dĩ An nằm ở phía Đông Nam tỉnh Bình Dương giáp với thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai; hiện đang là đô thị loại IV, có 07 đơn vị hành chính cấp phường với tổng diện tích tự nhiên là 6.005 ha, chiếm 2,23% diện tích tự nhiên của toàn Tỉnh.

Trong thời gian qua, thị xã Dĩ An đã nỗ lực phấn đấu và đạt được một số kết quả với cơ cấu kinh tế chuyển biến tích cực theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ; tốc độ đô thị hóa nhanh, kết cấu hạ tầng kỹ thuật được đầu tư nâng cấp đồng bộ theo hướng văn minh, hiện đại.

Việc công nhận thị xã Dĩ An là đô thị loại III, trực thuộc tỉnh Bình Dương là cần thiết và là tất yếu khách quan, tạo động lực quan trọng để Dĩ An phát triển nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư, từng bước góp phần đạt được mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương.

II. Đánh giá, đối chiếu thực trạng phát triển của thị xã Dĩ An với các tiêu chí, tiêu chuẩn của đô thị loại III

Căn cứ theo các tiêu chuẩn của các tiêu chí được quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/05/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân loại đô thị. Xét về tổng quan, thị xã Dĩ An đã có những bước phát triển và hội đủ các tiêu chí của đô thị loại III; cụ thể như sau:

1. Tiêu chí 1: Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội (đạt 18,75 điểm/20,0 điểm)

a) Tiêu chuẩn về vị trí chức năng, vai trò của đô thị (đạt 3,75 điểm/5,0 điểm).

Thị xã Dĩ An là trung tâm chuyên ngành cấp tỉnh về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ cấp tỉnh, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đô thị tỉnh Bình Dương.

b) Tiêu chuẩn cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội (đạt 15,0 điểm/15,0 điểm).

- Cân đối thu chi ngân sách: Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thị xã năm 2015 đạt 7.175 tỷ đồng, trong đó thu ngân sách Thị xã hưởng là 1.009,5 tỷ đồng. Cân đối thu chi ngân sách 3 năm gần đây luôn đạt cân đối dư. Đánh giá đạt 2,0 điểm/2,0 điểm.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2015 gấp 1,4 lần so với cả nước. Đánh giá đạt 3,0 điểm/3,0 điểm.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Kinh tế thị xã Dĩ An chuyển dịch đúng hướng với tỷ trọng tương ứng Công nghiệp, xây dựng 62,94%, Dịch vụ 37,02% và Nông nghiệp 0,04%. Đánh giá đạt 3,0 điểm/3,0 điểm.

- Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất đạt 16,2%. Đánh giá đạt 2,0 điểm/2,0 điểm.

- Tỷ lệ hộ nghèo toàn thị xã năm 2015 (theo tiêu chí tỉnh Bình Dương) đạt 0,25%. Đánh giá đạt 2,0 điểm/2,0 điểm.

- Tỷ lệ tăng trưởng dân số hàng năm (bao gồm tăng tự nhiên và tăng cơ học) trung bình 3 năm đạt 2,41%. Đánh giá đạt 3,0 điểm/3,0 điểm.

2. Tiêu chí 2: Quy mô dân số (đạt 8,0 điểm/8,0 điểm)

- Dân số toàn đô thị: Đánh giá đạt 2,0 điểm/2,0 điểm.

Dân số tính đến 01/10/2015 thị xã Dĩ An là 394.433 người.

Dân số tính đến 01/10/2015 toàn thị xã Dĩ An theo Biểu – 04 Cục thống kê thị xã Dĩ An năm 2015 là 371.468 người (tính theo phân loại đô thị), bao gồm:

+ Dân số thường trú thị xã là 327.380 người.

+ Dân số tạm trú dưới 6 tháng toàn thị xã là 67.053 người được quy đổi về dân số thường trú tương đương với 44.088 người thường trú tại thị xã với số ngày tạm trú trung bình là 120 ngày/người để tính toán các tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật.

- Dân số nội thị: Thị xã Dĩ An không có khu vực ngoại thị do vậy dân số thị xã cũng chính là dân số nội thị. Đánh giá đạt 6,0 điểm/6,0 điểm.

3. Tiêu chí 3: Mật độ dân số (đạt 5,64 điểm/6,0 điểm)

- Mật độ dân số toàn đô thị (tính trên diện tích đất tự nhiên) đạt 6.181 người/km². Đánh giá đạt 1,5 điểm/1,5 điểm.

- Mật độ dân số khu vực nội thị (đã bao gồm dân số quy đổi) là 371.468 người, diện tích đất xây dựng thị xã Dĩ An là 4.495,8km². Do vậy, mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng khu vực nội thị đạt 8.263 người/km². Đánh giá đạt 4,5 điểm/4,5 điểm.

4. Tiêu chí 4: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (đạt 6,0 điểm/6,0 điểm)

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị: Tổng số lao động đang làm việc ở các ngành kinh tế tại thị xã Dĩ An là 212.239 người; trong đó số lao động phi

nông nghiệp tại thị xã Dĩ An là 210.418 người. Do vậy, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp thị xã Dĩ An đạt 99,1 %. Đánh giá đạt 1,5 điểm/1,5 điểm.

- Lao động khu vực nội thị: Thị xã Dĩ An không có khu vực ngoại thị do vậy lao động cũng chính là lao động nội thị. Đánh giá đạt 4,5 điểm/4,5 điểm.

5. Tiêu chí 5: Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị (đạt 51,36/60,0 điểm)

5.A - Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực nội thị: (đạt 39,36 điểm/48,0 điểm)

5.1. Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội: (đạt 7,47 điểm/10,0 điểm)

a) Các tiêu chuẩn về nhà ở (đạt 1,0 điểm/2,0 điểm)

- Diện tích sàn nhà ở bình quân thị xã: Tổng diện tích nhà ở của thị xã Dĩ An là: 8.316.247m², diện tích nhà bình quân đầu người đạt 22,39m²/người. Đánh giá 0,0 điểm/1,0 điểm.

- Tỷ lệ nhà kiên cố, bán kiên cố đạt 99,96%. Đánh giá đạt 1,0 điểm/1,0 điểm.

b) Các tiêu chuẩn về công trình công cộng ở (đạt 6,46 điểm/8,0 điểm)

- Đất dân dụng thị xã Dĩ An là 2.532,7 đạt 68,3m²/người. Đánh giá đạt 0,86 điểm/10,0 điểm.

- Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị là 1.994.510m² đạt 5,37m²/người. Đánh giá đạt 1,0 điểm/1,0 điểm.

- Đất xây dựng công trình công cộng cấp đơn vị ở là 473.673m² đạt 1,18m²/người. Đánh giá đạt 0,86 điểm/1,0 điểm.

- Cơ sở y tế cấp đô thị: Tổng số giường bệnh là 607 giường, dân số thị xã bao gồm dân số quy đổi là 371.468 người. Do đó, bình quân đạt 1,63 giường bệnh/1.000 dân. Đánh giá 0,0 điểm/1,0 điểm.

- Cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị: Tổng số cơ sở giáo dục đào tạo khu vực nội thị thị xã là 12 cơ sở (Trong đó: Đại học có 02 trường, Cao đẳng có 03 trường, Trung cấp chuyên nghiệp có 02 trường, Trường THPT có 03 trường, 01 Trung tâm giáo dục thường xuyên và 01 Trung tâm bồi dưỡng chính trị thị xã). Đánh giá đạt 1,0 điểm/1,0 điểm.

- Công trình văn hóa cấp đô thị: Thị xã có 06 công trình (bao gồm: trung tâm văn hóa thị xã, Công viên văn hóa suối Lồ Ô, thư viện thị xã Dĩ An, Rạp chiếu phim thị xã Dĩ An, Rạp chiếu phim 3D, nhà truyền thống...) và tại mỗi phường đều có nhà văn hóa phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân tại các tổ dân phố. Đánh giá đạt 1,0 điểm /1,0 điểm.

- Công trình thể dục thể thao cấp đô thị: Tổng số các công trình thể dục thể thao trên địa bàn thị xã là 03 công trình cấp đô thị (bao gồm: Sân vận động thị xã Dĩ An, Trung tâm thể dục thể thao thị xã, trung tâm thể dục thể thao Tân Bình. Ngoài ra còn có các sân quần vợt, Nhà thi đấu bóng bàn Sân bóng đá mini, các câu lạc bộ thể thao, thể hình). Đánh giá đạt 0,75 điểm/1,0 điểm.

- Công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị: Trên địa bàn thị xã Dĩ An có 09 công trình thương mại - dịch vụ (trung tâm thương mại, chợ, siêu thị) cấp đô thị, bao gồm: 01 trung tâm thương mại, 03 siêu thị, 05 chợ. Đánh giá đạt 1,0 điểm/1,0 điểm.

5.2. Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật: (đạt 11,92 điểm/14 điểm)

a) Các tiêu chuẩn về giao thông: (đạt 4,83 điểm/6,0 điểm)

- Đầu mối giao thông (ga đường sắt, cảng, đường thủy, bến xe khách): Đánh giá đạt 2,0 điểm/2,0 điểm.

- Tỷ lệ đất giao thông khu vực thị xã so với đất xây dựng trong khu vực thị xã 14,94%. Đánh giá đạt 0,83/1,0 điểm.

- Mật độ đường giao thông (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy $\geq 7,5\text{m}$) (km/km^2). Tổng chiều dài các tuyến đường chính trong thị xã có chiều rộng phần xe chạy $\geq 7,5\text{m}$ là 226,76km (bao gồm các tuyến đường trục chính khu vực và trục chính đô thị). Diện tích đất xây dựng thị xã là $44,958\text{km}^2$. Do đó, mật độ đường trong thị xã là $5,04\text{km}/\text{km}^2$. Đánh giá 0,0 điểm/1,0 điểm.

- Diện tích đất giao thông/dân số thị xã đạt: $18,1\text{m}^2/\text{người}$. Đánh giá đạt 1,0 điểm/1,0 điểm.

- Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đạt 12,14%. Đánh giá đạt 1,0 điểm/1,0 điểm.

b) Các tiêu chuẩn về cấp điện và chiếu sáng công cộng (đạt 2,54 điểm/3,0 điểm).

- Cấp điện sinh hoạt thị xã ($\text{kwh}/\text{ng}/\text{năm}$): Tổng điện năng tiêu thụ toàn thị xã năm 2015 là: 1.397.986.846 ($\text{kwh}/\text{năm}$). Do đó, tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt thị xã là 743 $\text{kwh}/\text{ng}/\text{năm}$, đánh giá đạt tối đa 1,0 điểm/1,0 điểm.

- Tỷ lệ đường phố chính thị xã được chiếu sáng (bề rộng phần xe chạy $\geq 7,5\text{m}$): Trên địa bàn thị xã có tổng số 295 tuyến, trong đó có 283 tuyến được chiếu sáng. Do đó, tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng là 95,93%. Đánh giá đạt 0,78 điểm /1,0 điểm.

- Tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng: Tổng số các tuyến đường ngõ hẻm của thị xã là 665 tuyến, tổng số tuyến đường được chiếu sáng 373 tuyến, các tuyến đường này được chiếu sáng bằng nhiều hình thức nhà nước đầu tư, xã hội hóa (nhà nước và nhân dân cùng làm), tổ dân phố huy động các hộ dân tự gắn đèn chiếu sáng và quản lý. Tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng: 56,09%. Đánh giá đạt tối đa 0,76/1,0 điểm.

c) Các tiêu chuẩn về cấp nước (đạt 2,79 điểm/3,0 điểm).

- Thị xã có hệ thống cấp nước của Xí nghiệp cấp nước Dĩ An và Công ty cổ phần nước Thủ Dầu Một. Công suất trung bình 160.000m^3 đến $180.000\text{m}^3/\text{ngàyđêm}$. Do vậy, tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt thị xã là 112,3($\text{lít}/\text{người}/\text{ngày.đêm}$). Đánh giá đạt 0,79 điểm/1,0 điểm.

- Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt 100%. Đánh giá đạt 2,0 điểm/2,0 điểm.

d) Các tiêu chuẩn về hệ thống viễn thông (đạt 1,76 điểm/2,0 điểm).

- Dịch vụ bưu chính viễn thông trên địa bàn thị xã ngày càng phát triển, mở rộng và hoàn chỉnh phục vụ tốt cho nhu cầu thông tin liên lạc của người dân. Số thuê bao internet bình quân/số dân thị xã đạt 20,3 thuê bao internet/100 dân. Đánh giá đạt 0,76 điểm/1,0 điểm.

- Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên địa bàn thị xã Dĩ An là 100%. Đánh giá đạt 1,0 điểm/1,0 điểm.

5.3. Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường (đạt 10,74 điểm/14,0 điểm)

a) Các tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng (đạt 3,0 điểm/3,0 điểm).

- Mật độ đường công thoát nước chính: Hệ thống thoát nước sinh hoạt thị xã quản lý chủ yếu được sử dụng là các loại cống hỗn hợp và các mương xây, với tổng chiều dài 287,154km, diện tích đất xây dựng thị xã là 44,958km². Do đó, mật độ đường công thoát nước là 6,387km/km². Đánh giá đạt 2,0 điểm/2,0 điểm.

- Trên địa bàn thị xã Dĩ An hiện có 28 điểm ngập úng, trong đó 12 điểm ngập nặng, 16 điểm ngập nhẹ. Có 28/28 điểm ngập úng có giải pháp xử lý (tạm thời và lâu dài), 18/28 điểm có kế hoạch thực hiện nhằm xử lý triệt để (theo Kế hoạch số 1431/UBND-HK ngày 29/6/2016 của UBND thị xã Dĩ An về việc chống ngập úng đô thị trên địa bàn thị xã Dĩ An năm 2016). Đánh giá đạt 1,0 điểm/1,0 điểm.

b) Các tiêu chuẩn về thu gom xử lý nước thải, chất thải (đạt 3,95 điểm/5,0 điểm).

- Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý tiêu hủy là 100%. Đánh giá 1,0/1,0 điểm.

- Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật: Thị xã đã có kế hoạch triển khai xây dựng Dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải với nguồn kinh phí (vốn ODA) khoảng 110 triệu USD, quy mô trạm 6,8 ha tại phường Tân Đông Hiệp. Đánh giá 0,0 điểm/1,0 điểm.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom là 96%. Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác thải 100% khối lượng rác thải sau khi thu gom về trạm trung chuyển rác đều được vận chuyển, đưa đi xử lý tại khu xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương. Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

- Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý tiêu hủy: Tất cả chất thải rắn y tế ở Bình Dương thực hiện theo Đề án xử lý chất thải y tế được phê duyệt tại Quyết định số 3257/QĐ-UBND ngày 23/11/2011, theo đó giao cho công ty cấp thoát nước môi trường Bình Dương thu gom và xử lý tập trung tại nhà máy xử lý rác Chánh Phú Hòa, hiện nay đảm bảo đạt 100% thu gom từ các cơ sở y tế. Như vậy, tính chung tiêu chuẩn chất thải y tế được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy là 97,95%. Đánh giá đạt 0,95 điểm/1,0 điểm.

c) Các tiêu chuẩn về nhà tang lễ (đạt 0,78 điểm/2,0 điểm)

- Nhà tang lễ trên địa bàn thị xã Dĩ An chưa có nhà tổ chức tang lễ trong thị xã. Đánh giá 0,0 điểm/1,0 điểm.

- Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng: Thị xã Dĩ An số người tham gia dịch vụ hỏa táng là 210 người. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng là 10,6% trên tổng số người chết. Đánh giá đạt 0,78/1,0 điểm.

d) Các tiêu chuẩn về cây xanh đô thị (đạt 3,01 điểm/4,0 điểm)

- Tổng diện tích đất cây xanh đô thị thị xã Dĩ An bao gồm cây xanh tập trung, cây xanh công cộng và cây xanh sử dụng hạn chế gắn với mặt nước,...là 260,7ha. Do đó, diện tích đất cây xanh đô thị là 7,02m²/người. Đánh giá đạt 1,5 điểm/2,0 điểm.

- Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị: Tổng diện tích đất cây xanh công cộng thị xã Dĩ An: 1.489.990m² đạt 4,01m²/người. Đánh giá đạt 1,51 điểm/2,0 điểm.

5.4. Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị (đạt 9,23 điểm/10,0 điểm)

a) Về quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị: Trên địa bàn thị xã đã xây dựng quy chế, đã triển khai thực hiện, tuy nhiên kết quả thực hiện đánh giá chưa đạt yêu cầu đề ra trong quy chế. Đánh giá đạt 1,5/2,0 điểm.

b) Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị/tổng số trục phố chính thị xã là 44,6/%. Đánh giá đạt 1,73/2,0 điểm.

c) Trên địa bàn thị xã Dĩ An, có 02 khu dân cư được thực hiện cải tạo chỉnh trang đô thị. Đánh giá đạt tối đa 2,0/2,0 điểm.

d) Số lượng không gian công cộng của đô thị trên địa bàn thị xã Dĩ An gồm 04 khu là các quảng trường, công viên, vườn hoa và khu vui chơi giải trí của người dân. Đánh giá đạt 1,75/2,0 điểm.

đ) Công trình kiến trúc tiêu biểu, công trình văn hoá lịch sử, di sản: Trên địa bàn thị xã Dĩ An hiện có 01 công trình di tích được công nhận cấp Quốc gia và 6 công trình di tích được công nhận cấp tỉnh; các công trình di tích được cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hội nghề nghiệp địa phương công nhận cấp thị xã gồm các đình, miếu. Đánh giá đạt tối đa 2,0/2,0 điểm.

5.B - Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực ngoại thị: (đạt 12,0 điểm/12,0 điểm)

Đối với đô thị không có khu vực ngoại thị như thị xã Dĩ An: nhóm tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực ngoại thành, ngoại thị đạt 12 điểm.

III. Kiến nghị:

1. Với kết quả đánh giá về tình hình phát triển đô thị của thị xã Dĩ An theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, tổng số điểm phân loại thị xã Dĩ An đạt là **90,11 điểm/100 điểm**. Cụ thể tổng hợp điểm và các chỉ tiêu phân loại đô thị trên cơ sở phân tích, đánh giá, đối chiếu theo 05 tiêu chí đô thị theo quy định, trong đó:

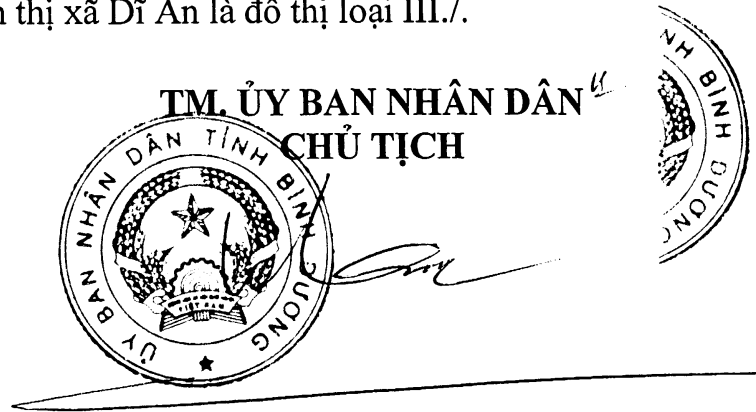
- Tiêu chí 1: Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội đạt 18,75 điểm/20,0 điểm;
- Tiêu chí 2: Quy mô dân số đạt 8,0 điểm/8,0 điểm;
- Tiêu chí 3: Mật độ dân số đạt 6,0 điểm/6,0 điểm;
- Tiêu chí 4: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 6,0 điểm/6,0 điểm;
- Tiêu chí 5: Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị đạt 51,36 điểm/60 điểm.

Với số điểm này, thị xã Dĩ An đủ điều kiện để được xem xét công nhận là đô thị loại III, trực thuộc tỉnh Bình Dương.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến quyết nghị thông qua Đề án đề nghị công nhận thị xã Dĩ An là đô thị loại III, trực thuộc tỉnh Bình Dương để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Xây dựng xem xét, quyết định công nhận thị xã Dĩ An là đô thị loại III./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.TU – TT.HĐND;
- Đoàn ĐBQH;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Xây dựng, Nội Vụ, Tư pháp;
- Thị ủy, UBND thị xã Dĩ An;
- LĐVP, Km, TH;
- Lưu: VT.



Trần Thanh Liêm